

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 417/2024/DS-PT
Ngày: 13/8/2024
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ái Doan

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyết Linh

Ông Trần Văn Đạt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 239/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981(Có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:

1. Anh Bùi Văn L, sinh năm 1978(Có mặt).

2. Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1987(Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn Bùi Văn L, Trần Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị với vợ chồng anh Bùi Văn L và chị Trần Thị Kim H là quan hệ quen biết, nên vào ngày 09/11/2022 chị có cho vợ chồng anh L, chị H vay số tiền vốn là 270.000.000

đồng bằng hình thức giao nhận trực tiếp, để xoay sở việc làm ăn. Khi vay hạn 01 năm sẽ trả lại vốn, lãi thỏa thuận. Khi vay anh L trực tiếp nhận tiền và có làm biên nhận vào ngày 09/11/2022. Sau khi vay đến hạn và cho đến nay vợ chồng anh L, chị H không có trả số tiền nào.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Bùi Văn L và chị Trần Thị Kim H liên đới trả số tiền vốn vay 270.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả từ ngày 01/01/2023 cho đến ngày xét xử. Tạm tính 10 tháng là: 270.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng = 22.410.000 đồng. Tổng cộng 292.410.000 đồng. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Bùi Văn L trình bày: Anh và chị T cùng hàng xóm, chúng tôi có mối quan hệ bà con bên chồng chị T. Anh là chồng của chị H và còn là vợ chồng. Đối với biên nhận do chị T nộp thì không phải chữ viết và chữ ký của anh, khi mượn số tiền của chị T thì vợ anh không biết, sau này khi chị T kiện thì vợ anh mới biết, việc chị T kiện vợ anh thì vợ anh không đồng ý trả, anh mượn thì tôi trả. Biên nhận do chị T nộp không phải chữ ký và chữ viết của anh, không biết biên nhận do đâu mà có. Anh có vay tiền của chị T nhiều lần, cụ thể không nhớ nhưng tổng cộng gom lại là 70.000.000 đồng vốn, lãi suất 30%/tháng, đóng được 5 lần lãi tổng số tiền lãi là 135.000.000 đồng do không đóng lãi nổi nữa và ngưng cho đến nay. Khi vay tiền của chị T và đóng được 05 lần lãi suất thì không có viết biên nhận hay giấy tờ gì, không có người chứng kiến.

Nay anh không đồng ý theo yêu cầu của chị T, anh thừa nhận có vay số tiền 70.000.000 đồng và đồng ý chỉ mình tôi trả số tiền vốn 70.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi, xin trả dần mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với biên nhận do chị T nộp anh xin Tòa án cho tôi thời hạn 15 ngày để tôi có yêu cầu giám định thì tôi sẽ làm đơn, sau 15 ngày anh không nộp đơn thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đối với việc anh mượn tiền của chị T số tiền 70.000.000 đồng và đóng lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T yêu cầu tính lãi trên số vốn 270.000.000 đồng từ ngày 01/01/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 18/3/2024, lãi 0,83%/tháng, tiền lãi là 32.494.500 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 463, 466, 468 và Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc anh Bùi Văn L và chị Trần Thị Kim H phải trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền vốn vay là 270.000.000 đồng và 32.494.500 đồng tiền lãi. Tổng cộng là **302.494.500 đồng** (Ba trăm lẻ hai triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Bùi Văn L và chị Trần Thị Kim H chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 357, điều 468 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/4/2024, bị đơn Bùi Văn L, Trần Thị Kim T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo hướng sửa một phần án sơ thẩm, chỉ buộc anh L, chị T1 trả cho chị T số tiền 70.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn L và chị Trần Thị Kim H: Theo kết luận giám định của Phòng kỹ thuật Côn an tỉnh T thì chữ ký và chữ viết tại biên nhận ngày 09/11/2022 là của anh L. Do đó có cơ sở xác định anh L và chị H vay của chị T số tiền là 270.000.000 đồng. Anh L cho rằng anh chỉ vay của chị T 70.000.000 đồng nhưng anh không có căn cứ gì để chứng minh, phía chị T cũng không thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận. Tòa sơ thẩm xử là có căn cứ pháp luật. Anh L và chị H kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn L và chị Trần Thị Kim H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về xác định thẩm quyền và quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của anh Bùi Văn L và chị Trần Thị Kim T1 trong thời hạn quy định nên được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn L và chị Trần Thị Kim T1:

Theo chị T, chị cho anh L, chị H vay số tiền là 270.000.000 đồng, hạn trả là 1 tháng, không lãi suất nhưng đến hạn trả nợ thì anh L, chị H không trả. Chị Nguyễn Thị T kiện yêu cầu anh Bùi Văn L và chị Trần Thị Kim T1 trả số tiền vốn vay là 270.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 32.494.500 đồng. Căn cứ cho việc khởi kiện là biên nhận ngày 09/11/2022, có anh Bùi Văn L ký tên.

Bị đơn anh Bùi Văn L chỉ thừa nhận có vay của chị T số tiền là 70.000.000 đồng. Anh L không thừa nhận chữ viết và chữ ký tên tại biên nhận nợ ngày 09/11/2022 là của anh nhưng anh không yêu cầu giám định.

Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Anh L và chị H không đồng ý nên có đơn kháng cáo.

Xét thấy, chị T căn cứ giấy mượn tiền ngày 9/11/2022 có nội dung: “Tôi Bùi Văn L, sinh năm 1978 ấp I, TP, TG có mượn của Nguyễn Thị T ấp III số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu)”, người mượn tiền là Bùi Văn L ký tên và ghi họ tên để kiện anh L và chị H. Anh L không thừa nhận chữ viết và ký tên tại biên nhận ngày 9/11/2022 là của anh. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết tên của anh tại biên nhận ngày 9/11/2022. Tại kết luận giám định số 872/KL-KTHS ngày 18/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận chữ ký và viết tên tại biên nhận ngày 09/11/2022(AL 16/10/2022) là của ông Bùi Văn L. Do đó, có đủ căn cứ xác định ngày 9/11/2022 anh L và chị H có vay của chị T số tiền là 270.000.000 đồng.

Anh L cho rằng anh chỉ nợ chị T số tiền là 70.000.000 đồng nhưng anh không có chứng cứ gì để chứng minh và phía bên chị T cũng không thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của anh L. Anh L trình bày anh vay tiền của bà T về để cho vay lại, anh L và chị H là vợ chồng. Do đó, chị T kiện yêu cầu anh L và chị H trả số tiền vốn là 270.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 18/3/2024, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 32.494.500 đồng là có cơ sở chấp nhận. Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu khởi kiện của chị T là có căn cứ pháp luật.

Anh L và chị H kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Anh L và chị H chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn L và chị Trần Thị Kim H.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc anh Bùi Văn L và chị Trần Thị Kim H phải trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền vốn vay là 270.000.000 đồng và 32.494.500 đồng tiền lãi. Tổng cộng là **302.494.500 đồng** (Ba trăm lẻ hai triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Bùi Văn L và chị Trần Thị Kim H chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 357, điều 468 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm anh Bùi Văn L và chị Trần Thị Kim H phải chịu 15.124.725 đồng và án phí và 600.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 600.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0003281 và biên lai thu số 0003282 ngày 05/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, vậy anh L và chị H phải nộp tiếp số tiền là 15.124.725 đồng.

H1 lại chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 7.310.000 đồng theo biên lai thu số 0012094 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Doan